UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1877 /QĐ-SXD

Hải Phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số năm 2026 cho nhiệm vụ "Nâng cao năng lực trung tâm quản lý điều hành giao thông, đô thị thông minh"

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách; Thông tư 97/2024/TT-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3934/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số năm 2026 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1837/QĐ-SXD ngày 15/9/2026 của Sở Xây dựng về việc phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số năm 2026 cho nhiệm vụ "Nâng cao năng lực trung tâm quản lý điều hành giao thông, đô thị thông minh";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số năm 2026 cho nhiệm vụ "Nâng cao năng lực trung tâm quản lý điều hành giao thông, đô thị thông minh" cho đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng, số tiền: **16.000.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười sáu tỷ đồng chẵn).*

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ - nội dung "Chi các nhiệm vụ mua sắm hàng hóa, dịch vụ và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi số; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; kinh phí chỉnh lý số hóa tài liệu" giao tại Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các phòng có liên quan, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- KBNN Khu vực III;
- Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Thành Hưng

Đơn vị: Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng
Chương: 419

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SXD ngày /9/2026 của Sở Xây dựng)

Đơn vị: đồng

STT	Mã loại khoản	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	*Trong đó:* Cơ quan Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng
A		**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**	-	-
I		**Số thu phí, lệ phí**	-	-
1		Lệ phí	-	-
2		Phí	-	-
2		**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	-	-
2.1		*Lệ phí*	-	-
2.2		*Phí*	-	-
II		**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	-	-
III		**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	-	-
B		**DỰ TOÁN CHI NSNN**	**16.000.000.000**	**16.000.000.000**
I		**Nguồn ngân sách trong nước**	**16.000.000.000**	**16.000.000.000**
1		**Chi quản lý hành chính**		
2		**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**16.000.000.000** -	**16.000.000.000** -
2.1		Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
2.2		Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Mã 103)	16.000.000.000	16.000.000.000
		Kinh phí thực hiện nhiệm vụ "Nâng cao năng lực trung tâm quản lý điều hành giao thông, đô thị thông minh"	*16.000.000.000*	*16.000.000.000*
3		**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	-	-
4		**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	-	-
5		**Chi bảo đảm xã hội**	-	-
6		**Chi các hoạt động kinh tế**	-	-